HỌC LIỆU TUẦN 8,9 MÔN NGỮ VĂN

TUẦN 8, TIẾT 29,30: CHỦ ĐỀ 7: VĂN BIỂU CẢM

CÁCH LẬP Ý CỦA BÀI VĂN BIỂU CẢM.

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (HS tự học)	NỘI DUNG GHI BÀI (HS chép bài vào vở)
Hoạt động 1: Đọc phần I và thực hiện các yêu cầu (SGK/117-121):	**I. Những cách lập ý thường gặp của bài văn biểu cảm.** **1. Liên hệ hiện tại với tương lai** - Đoạn văn: "Cây tre Việt Nam" (Thép Mới) + Đối tượng biểu cảm: Cây tre Việt Nam. + Nội dung: sự gắn bó của cây tre Việt Nam trên bước đường đi tới tương lai của đất nước. - Tình cảm: yêu quý, trân trọng tự hào, gắn bó với cây tre. - Cách biểu cảm: + Gợi nhắc quan hệ với các sự vật. + Liên hệ hiện tại với tương lai. **2. Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại** * Đoạn văn "Người ham chơi" - Đối tượng biểu cảm: con gà đất. - Nội dung: Niềm say mê con gà đất - niềm vui của tuổi thơ. - Cảm xúc yêu quý, trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ. - Cách biểu cảm: + Hồi tưởng quá khứ + Suy nghĩ về hiện tại **3. Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước.** *** Đoạn trích "Những tấm lòng cao cả"** - Đối tượng biểu cảm: cô giáo - Nội dung: Bày tỏ tình cảm yêu mến đối với cô giáo. - Hình thức biểu cảm: tưởng tượng tình huống, hứa hẹn và gợi lại kỉ niệm về cô giáo.

	*** Đoạn trích: Mõm Lũng Cú tột Bắc** - Nội dung: Sự liên tưởng của tác giả từ Lũng Cú - cực Bắc của Tổ quốc tới Cà Mau - cực Nam của Tổ quốc. => Thể hiện tình yêu đất nước một cách sâu sắc và bày tỏ khát vọng thống nhất đất nước. - Cách biểu cảm: + Tưởng tượng tình huống, giả định. + Khát vọng, mong ước. **4. Quan sát và suy ngẫm** Đoạn trích trong "Cỏ dại" của Tô Hoài. - Đối tượng biểu cảm: Người mẹ của nhân vật tôi. - Nội dung đoạn văn: Thể hiện tình thương yêu đối với mẹ của nv "tôi". - Cách miêu tả: + Quan sát -> cảm xúc (suy ngẫm) + Khắc hoạ hình ảnh con người -> nêu nhận xét. -> Thể hiện tình cảm thương yêu, hối hận vì đã thờ ơ, vô tình. => Kết luận: - có 4 cách lập ý. - Tình cảm bộc lộ phải chân thật và sự việc được nêu phải có trong kinh nghiệm => người đọc tin và đồng cảm. *** Ghi nhớ (SGK-121)**
Hoạt động 2: **Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học** (HS làm **các bài tập 1,2/ sgk trang 121,122).**	**II. Luyện tập** **1. Tìm hiểu đề và tìm ý** **2. Lập dàn bài:** - MB: Giới thiệu vườn và tình cảm đối với vườn nhà. - TB: Miêu tả vườn và lai lịch của vườn. + Vườn và cuộc sống vui, buồn của gia đình. + Vườn và lao động của cha mẹ. + Vườn qua bốn mùa. - KB: Cảm xúc về vườn nhà.

***Dặn dò: Chuẩn bi bài:** Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản biểu cảm
****

TUẦN 8
TIẾT 31, 32: CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ TRONG VĂN BIỂU CẢM

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (HS tự học)	NỘI DUNG GHI BÀI (HS chép bài vào vở)
Hoạt động 1: Đọc phần I và thực hiện các yêu cầu (SGK/137,138):	**I. Tìm hiểu chung về yếu tố tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm:** **1. Ví dụ:** **a. Ví dụ 1**: Bài ca nhà tranh bị gió thu phá + Đoạn 1: 2 câu đầu: Tự sự; 3 câu sau: Miêu tả -> Có vai trò tạo bối cảnh chung làm nền cho tâm trạng. + Đoạn 2: 4 câu đầu: Tự sự kết hợp với biểu cảm ở câu cuối (kể lại chuyện trẻ con cướp tranh, cảm thấy uất ức vì già yếu không làm gì được). + Đoạn 3: Sáu câu đầu miêu tả cảnh đêm mưa nhà dột. 2 câu cuối biểu cảm thể hiện cảm xúc của nhà thơ về cảnh nghèo khổ và cảnh loạn lạc trong xã hội. + Đoạn 4: Biểu cảm trực tiếp, thể hiện ước mơ cao cả của tác giả. -> Tự sự và miêu tả là phương tiện để tác giả bộc lộ cảm xúc, khát vọng lớn lao cao cả của mình. **b.Ví dụ 2**: Đoạn văn (sgk/tr137) + Miêu tả: Bàn chân bố + Tự sự: kể chuyện bố ngâm chân nước muối, bố đi sớm về khuya. + Biểu cảm: Thương cuộc đời vất vả, lam lũ của bố -> Niềm hồi tưởng đã chi phối việc miêu tả và tự sự. Miêu tả trong hồi tưởng, không phải miêu tả trực tiếp, góp phần khêu gợi cảm xúc cho người đọc.

	=> Miêu tả và tự sự góp phần làm tăng thêm giá trị biểu cảm cho đoạn văn. **2. Ghi nhớ 2**: (Sgk/tr138)
Hoạt động 2: **Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học** (HS làm **các bài tập 1,2/ sgk trang 138).**	**II. Luyện tập**

***Dặn dò: Chuẩn bi bài:** Quan hệ từ

****

TUẦN 9, TIẾT 33: Chủ đề 8: Từ theo chức năng

QUAN HỆ TỪ

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC **(HS tự học)**	**NỘI DUNG GHI BÀI** **(HS chép bài vào vở)**
Hoạt động 1: Đọc phần I và thực hiện các yêu cầu (SGK/96,97):	**I. Thế nào là quan hệ từ:** **1.Ví dụ**: - "của" – quan hệ sở hữu – nối bộ phận của câu. - "như" – quan hệ so sánh – nối các bộ phận của câu. - "bởi…nên…" – quan hệ nhân quả - nối các vế câu. **2. Ghi nhớ**: (Sgk/tr97) **II. Sử dụng quan hệ từ.** **1. Ví dụ**: (Sgk/r 97) - Vd1: Trường hợp bắt buộc phải có quan hệ từ: b, d, g, h. - Ví dụ 2: Quan hệ từ dùng thành cặp - Nếu ….thì … - Vì … nên … - Tuy …. nhưng … - Hễ …. thì …. - Sở dĩ …. nên ….

	2. Ghi nhớ: (Sgk/tr98)
Hoạt động 2: **Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học** (HS làm **các bài tập 1,2,3,4/ sgk trang 98).**	**III. Luyện tập**

***Dặn dò: Chuẩn bị bài:** Chữa lỗi về quan hệ từ

****

TUẦN 9
TIẾT 34: CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC **(HS tự học)**	**NỘI DUNG GHI BÀI** **(HS chép bài vào vở)**
Hoạt động 1: Đọc phần I và thực hiện các yêu cầu (SGK/106,107):	**I. Các lỗi thường gặp về quan hệ từ** **1. Thiếu quan hệ từ:** **Ví dụ 1:** + Lỗi: Thiếu quan hệ từ + Chữa lỗi: Thêm quan hệ từ mà hoặc để (câu 1); đối với (câu 2) **2. Dùng quan hệ từ không thích hợp:** **Ví dụ 2:** + Lỗi: Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa + Chữa lỗi: Bỏ từ và thay bằng từ nhưng (câu 1) bỏ từ để thay bằng từ vì, do (câu 2) **3.Thừa quan hệ từ:** ***Ví dụ 3:** + Lỗi: Thừa quan hệ từ + Chữa lỗi: Bỏ quan hệ từ: qua, về. **4. Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết.** ***Ví dụ 4:** + Lỗi: Dùng quan hệ từ không có tác dụng liên kết + Chữa lỗi: Thay qht không những bằng qht mà còn (h); thêm từ tâm sự (i)

	2. Ghi nhớ: (Sgk/tr107)
Hoạt động 2: **Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học** (HS làm **các bài tập 1,2,3,4/ sgk trang 107, 108).**	**II. Luyện tập**

***Dặn dò:** Chuẩn bi bài**: Kiểm tra đánh giá giữa HK1**

****

TUẦN 9

TIẾT 35,36: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HK1